| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2018/DS - PT
Ngày 08 - 01 - 2018
V/v tranh chấp nợ hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Ngọc Như

Ông Trương Thanh Dũng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp nợ hụi.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 95/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Minh Tạ Bích P, sinh năm 1980; cư trú tại: Số A, ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958; cư trú tại: Số K, Khóm M, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; cư trú tại: Số K, Khóm M, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị T.

(Chị Trần Minh Tạ Bích P và bà Huỳnh Thị T có mặt; ông Nguyễn Văn T vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Minh Tạ Bích P trình bày: Khoảng năm 2013, 2014, chị có làm chủ nhiều dây hụi, bà Huỳnh Thị T tham gia hai chưng, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất ngày 09/9/2013 âm lịch (tức ngày 13/10/2013 dương lịch) bà T tham gia dây hụi tháng, loại hụi 2.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 09/9/2013 âm lịch, có 25 chưng, bà T tham gia một chưng. Quá trình tham gia hụi bà T hốt hụi ở kỳ thứ hai (tức ngày 09/10/2013 âm lịch), sau đó bà T đóng được 10 lần đến ngày 09/9/2014 âm lịch thì ngưng đóng cho đến khi mãn hụi và chị P là người đứng ra đóng thay toàn bộ số tiền mà bà T nợ các hụi viên.

Dây hụi thứ hai ngày 04/02/2014 âm lịch (tức ngày 04/3/2014 dương lịch), loại hụi 3.000.000 đồng, có 25 chưng, bà T tham gia 03 chưng, bắt đầu khui ngày 04/02/2014 âm lịch. Quá trình tham gia hụi, do thời điểm khui hụi bà T muốn hốt 03 chưng một lần nhưng không được nên bà T đề nghị bà Văn Thị Mỹ D mua hụi của bà T, bà D đưa cho bà T số tiền 110.700.000 đồng và chị P có ghi tờ giấy thể hiện sự việc này, bà T là người ký cuối cùng của biên bản. Sau đó bà T đóng thêm được hai lần. Từ đó cho đến khi mãn hụi bà T không đóng được lần nào và chị P là người đứng ra đóng thay toàn bộ số tiền mà bà T nợ các hụi viên.

Đến khoảng tháng 2 năm 2015, chị P khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ hụi và tiền nợ vay. Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết bằng việc ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015, theo Quyết định này thì Tòa án buộc bà T trả tiền nợ hụi cho chị P tạm tính đến ngày 11/02/2015. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T tiếp tục trả cho chị số tiền nợ hụi mà chị đã đóng thay cho bà T từ ngày 11/02/2015 cho đến khi mãn hai dây hụi nêu trên, tổng cộng là 135.000.000 đồng, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: 09 kỳ x 01 chưng x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: 13 kỳ x 03 chưng x 3.000.000 đồng = 117.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đối với dây hụi 2.000.000 đồng, chị P chỉ yêu cầu bà T, ông T trả cho chị tổng số tiền 14.269.000 đồng. Đối với dây hụi 3.000.000 đồng chị P yêu cầu bà T, ông T trả cho chị tổng số tiền 95.246.000 đồng. Ngoài ra, chị P còn yêu cầu tính lãi đối với số tiền 109.515.000 đồng chậm trả ở giai đoạn thi hành án.

Bị đơn bà Huỳnh Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt, riêng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2017, bà T, ông T thống nhất xác định hai dây hụi chị P yêu cầu đã được Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết xong bằng việc ra Quyết định số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015 và ông bà xác định hai dây hụi này chỉ có bà T tham gia với chị P, ông T hoàn toàn không biết. Vì vậy, chị P yêu cầu ông bà trả số tiền nợ hụi thì ông bà không đồng ý.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh Tạ Bích P.

- Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Minh Tạ Bích P tổng số tiền nợ hụi là 109.515.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24 tháng 10 năm 2017, bị đơn bà Huỳnh Thị T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Minh Tạ Bích P.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị T thừa nhận có tham gia hai dây hụi như chị Trần Minh Tạ Bích P trình bày là dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 09/9/2013 âm lịch (ngày 13/10/2013 dương lịch) và dây hụi 3.000.000 đồng khui ngày 04/02/2014 âm lịch (ngày 04/3/2014 dương lịch). Tại biên bản hòa giải ngày 11/02/2015 Tòa án giải quyết phần nợ từ khi bà T không đóng hụi chết cho chị P đến thời điểm hòa giải chứ không giải quyết toàn bộ nợ của hai dây hụi. Chị P xác định chị đã đóng nợ hụi phần còn lại từ khi hòa giải thay bà T đến khi mãn hụi. Qua xác minh bà Văn Thị Mỹ D, bà Nguyễn Thị M là các hụi viên tham gia hai dây hụi trên thì hai dây hụi trên duy trì đến mãn hụi, không bị bể. Do đó, chị P yêu cầu bà T, ông T trả 14.269.000 đồng đối với dây hụi 2.000.000 đồng và 95.246.000 đồng đối với dây hụi 3.000.000 đồng, tổng cộng 109.515.000 đồng là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P là có căn cứ. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 11/02/2015 (bút lục 44 - 45) và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015 (bút lục 47) bà Huỳnh Thị T thừa nhận có tham gia hai dây hụi do chị Trần Minh Tạ Bích P làm chủ hụi và đồng ý trả tiền nợ hụi của hai dây hụi này theo yêu cầu của chị P tính đến ngày 11/02/2015 dương lịch, cụ thể: Dây hụi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 09/9/2013 âm lịch (tức ngày 13/10/2013 dương lịch), có 25 chưng, bà T tham gia 01 chưng, hốt hụi ở kỳ khui hụi thứ hai, sau đó bà T đóng được 10 kỳ hụi chết và ngưng đóng cho đến khi mãn hụi; dây hụi tháng 3.000.000 đồng, bắt đầu khui ngày 04/02/2014 âm lịch (tức ngày 04/3/2014 dương lịch), có 25 chưng, bà T tham gia 03 chưng, ở dây hụi này bà Văn Thị Mỹ D mua hụi của bà T và giao cho bà T số tiền 110.700.000 đồng, sau khi bà D mua hụi của bà T thì hàng tháng bà T phải đóng hụi chết cho chị P số tiền 9.000.000 đồng.

[3] Chị P yêu cầu bà T, ông T tiếp tục trả tiền nợ hụi mà chị đã đóng thay cho bà T của hai dây hụi trên từ ngày 11/02/2015 (dương lịch) cho đến khi mãn hụi tổng số tiền 109.515.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015, buộc bà T trả tiền nợ hụi cho chị P tính đến ngày 11/02/2015 (dương lịch), thời điểm này hai dây hụi trên chưa mãn. Tại thời điểm giải quyết năm 2015 dây hụi 3.000.000 đồng bà T nợ 20 kỳ hụi chết là 180.000.000 đồng (9.000.000 đồng x 20 kỳ) đã giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015 là 84.754.000 đồng, còn nợ 95.246.000 đồng; đối với dây hụi 2.000.000 đồng còn nợ 13 kỳ hụi chết là 26.000.000 đồng đã giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015 là 11.731.000 đồng, còn nợ 14.269.000 đồng. Tổng cộng 02 dây hụi bà T nợ chị P, sau khi đã giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 02/2015/QĐST-DS ngày 25/02/2015 là 109.515.000 đồng.

[4] Nay chị P tiếp tục yêu cầu bà Huỳnh Thị T, ông Nguyễn Văn T trả tiền nợ hụi là 109.515.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, chị P chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị P, Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và không buộc bà T, ông T trả lãi của số tiền 109.515.000 đồng là phù hợp.

[5] Đối với số tiền chị P rút yêu cầu tại phiên tòa sơ thẩm, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị P. Do sai sót trên không ảnh hưởng nghiêm trọng, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T, có căn cứ chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tham gia

phiên tòa, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Minh Tạ Bích P đòi bà Huỳnh Thị T tiền hụi.

Buộc bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T cùng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Minh Tạ Bích P tổng số tiền nợ hụi là 109.515.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T phải chịu 5.475.750 đồng;

Chị Trần Minh Tạ Bích P không phải chịu. Chị Trần Minh Tạ Bích P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.375.000 đồng, theo biên lai thu số 0007109 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007819 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND thành phố B (01 bản);
- CCTHADS thành phố B (01 bản);
- Đương sự (03 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Nguyễn Lệ Kiều**